

Số: /2024/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

Dự thảo
14/9/2024

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định về sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản
và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 47/2019/QH14 ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Hôn nhân và gia đình ngày 19 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Hiến, lấy, ghép mô, bộ phận cơ thể người và hiến, lấy xác ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Y tế,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về:

- Thụ tinh trong ống nghiệm gồm:
 - Hiến, nhận và sử dụng tinh trùng, noãn và nhận phôi;
 - Lưu giữ tinh trùng, lưu giữ noãn, lưu giữ phôi.
- Mang thai hộ vì mục đích nhân đạo.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Thụ tinh trong ống nghiệm* là sự kết hợp giữa noãn và tinh trùng trong ống nghiệm để tạo thành phôi.
- Thụ tinh nhân tạo* là phương pháp đưa tinh trùng sau khi đã được lọc rửa vào buồng tử cung của người phụ nữ để tạo điều kiện thuận lợi cho sự thụ tinh.

3. *Vô sinh* là tình trạng vợ chồng (hoặc chung sống như vợ chồng) sau một năm chung sống có quan hệ tình dục, không sử dụng biện pháp tránh thai mà người phụ nữ vẫn không có con; hoặc phụ nữ, nam giới có khuyết tật hoặc tình trạng bệnh lý dẫn đến suy giảm khả năng có con.

4. *Noãn (tế bào trứng)* là giao tử của nữ.

5. *Tinh trùng* là giao tử của nam.

6. *Phôi* là sản phẩm của quá trình phát triển do sự kết hợp giữa noãn và tinh trùng.

7. *Phụ nữ độc thân* là phụ nữ không có quan hệ hôn nhân theo quy định của pháp luật.

8. *Người thân thích cùng hàng của bên vợ hoặc bên chồng nhờ mang thai hộ* bao gồm: Anh, chị, em cùng cha mẹ, cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha; con nuôi của cha mẹ vợ, cha mẹ chồng; anh, chị, em con chú, con bác, con cô, con cậu, con dì của họ; anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người cùng cha mẹ hoặc cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha với họ.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản và mang thai hộ vì mục đích nhân đạo

Ngoài việc đáp ứng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Khám bệnh, chữa bệnh, việc áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản và mang thai hộ vì mục đích nhân đạo phải đáp ứng thêm các nguyên tắc sau đây:

1. Việc thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm, hiến và nhận tinh trùng, hiến và nhận noãn, hiến và nhận phôi, mang thai hộ vì mục đích nhân đạo phải thực hiện theo nguyên tắc tự nguyện và tuân theo quy định về chuyên môn kỹ thuật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.

2. Việc hiến và nhận tinh trùng, hiến và nhận phôi được thực hiện trên nguyên tắc vô danh giữa người hiến và người nhận.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ HIẾN, NHẬN, LƯU GIỮ TINH TRÙNG, NOÃN, PHÔI VÀ THỤ TINH TRONG ỐNG NGHIỆM

Mục 1.

HIẾN, NHẬN VÀ SỬ DỤNG TINH TRÙNG NOÃN, PHÔI HIẾN

Điều 4. Quy định về việc hiến tinh trùng, hiến noãn, hiến phôi

1. Đối tượng hiến tinh trùng, hiến noãn, hiến phôi:

a) Nam từ đủ 18 tuổi đủ điều kiện về sức khỏe được quyền hiến tinh trùng;

b) Nữ từ đủ 20 tuổi đủ điều kiện về sức khỏe được quyền hiến noãn;

c) Vợ chồng sau khi thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm hoặc mang thai hộ còn dư phôi và không có nhu cầu sử dụng số lượng phôi này;

d) Phụ nữ độc thân sau khi thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm còn dư noãn, phôi và không có nhu cầu sử dụng số lượng noãn, phôi này.

2. Cơ sở được phép nhận tinh trùng, noãn, phôi hiến:

a) Cơ sở đã được cấp có thẩm quyền cho phép thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm hoặc mang thai hộ;

b) Ngân hàng mô theo quy định của pháp luật về hiến, lấy, ghép mô, bộ phận cơ thể người và hiến, lấy xác.

Điều 5. Điều kiện của người nhận tinh trùng, nhận noãn, nhận phôi

1. Người nhận tinh trùng phải là người vợ trong cặp vợ chồng đang điều trị vô sinh mà nguyên nhân vô sinh là do người chồng hoặc là phụ nữ độc thân có nhu cầu sinh con và noãn của họ bảo đảm chất lượng để thụ thai.

2. Người nhận noãn phải là người Việt Nam hoặc người gốc Việt Nam hoặc người nước ngoài có chồng là người Việt Nam hoặc người gốc Việt nam và là người vợ trong cặp vợ chồng đang điều trị vô sinh mà nguyên nhân vô sinh là do người vợ không có noãn hoặc noãn không bảo đảm chất lượng để thụ thai.

3. Người nhận phôi phải thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Người vợ trong cặp vợ chồng đang điều trị vô sinh mà nguyên nhân vô sinh là do cả người vợ và người chồng;

b) Người vợ trong cặp vợ chồng đang điều trị vô sinh mà vợ chồng đã thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm nhưng bị thất bại, trừ trường hợp mang thai hộ;

c) Phụ nữ độc thân mà không có noãn hoặc noãn không bảo đảm chất lượng để thụ thai.

4. Người nhận tinh trùng, nhận noãn, nhận phôi có đủ sức khỏe để thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm, mang thai và sinh con.

Điều 6. Quy định về việc sử dụng tinh trùng của người hiến trong thực hiện kỹ thuật thụ tinh nhân tạo

1. Việc thực hiện kỹ thuật thụ tinh nhân tạo có sử dụng tinh trùng của người hiến phải tuân thủ các quy định tại Điều 3 Nghị định này và phải được thực hiện tại các cơ sở được phép thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm.

2. Trường hợp người nhận tinh trùng hiến đã sinh con, việc xử lý tinh trùng hiến còn dư được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định này.

Điều 7. Quy định về việc sử dụng tinh trùng, noãn, phôi dư

1. Trường hợp cặp vợ chồng hoặc phụ nữ độc thân đã sinh con và còn dư tinh trùng, noãn, phôi thì việc xử lý tinh trùng, noãn, phôi còn dư thực hiện theo nguyện vọng của cặp vợ chồng hoặc phụ nữ độc thân đó, cụ thể như sau:

a) Đề nghị cơ sở thực hiện việc lưu giữ theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Nghị định này;

b) Hiến cho cơ sở lưu giữ theo quy định tại Điều 4;

c) Đề nghị hủy.

2. Trường hợp cặp vợ chồng quy định tại khoản 1 Điều này đã hiến tinh trùng, hiến noãn hoặc hiến phôi nhưng tiếp tục có nguyện vọng sinh con thì được quyền yêu cầu cơ sở cho sử dụng tinh trùng, noãn, phôi đã hiến để thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản.

3. Cơ sở được quyền sử dụng:

a) Tinh trùng và noãn của cặp vợ chồng quy định tại điểm b khoản 1 Điều này đã hiến cho cơ sở để tạo phôi và được sử dụng phôi này cho một cặp vợ chồng vô sinh khác hoặc một phụ nữ độc thân.

b) Phôi của cặp vợ chồng quy định tại khoản 1 Điều này đã hiến cho cơ sở để sử dụng cho một cặp vợ chồng vô sinh khác hoặc một phụ nữ độc thân.

c) Tinh trùng, noãn, phôi theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 9 Nghị định này.

d) Trường hợp cặp vợ chồng vô sinh hoặc phụ nữ độc thân quy định tại khoản 1 Điều này đã hiến phôi nhưng tiếp tục có nguyện vọng sinh thêm con thì cơ sở được sử dụng phôi đã hiến để tiếp tục thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản cho người đó.

Mục 2

LƯU GIỮ TINH TRÙNG, LƯU GIỮ NOÃN, LƯU GIỮ PHÔI

Điều 8. Lưu giữ tinh trùng, lưu giữ noãn, lưu giữ phôi

1. Việc lưu giữ tinh trùng, lưu giữ noãn, lưu giữ phôi được thực hiện tại:

a) Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã được thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm.

b) Ngân hàng mô.

2. Người gửi tinh trùng, gửi noãn, người phụ nữ độc thân hoặc cặp vợ chồng gửi phôi phải trả chi phí lưu giữ, bảo quản thông qua hợp đồng dân sự với cơ sở lưu giữ tinh trùng, noãn, phôi, trừ trường hợp tinh trùng, noãn, phôi được hiến.

Trường hợp người gửi không đóng phí lưu giữ, bảo quản thì trong thời hạn 06 (sáu) tháng, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có quyền hủy tinh trùng hoặc noãn hoặc phôi đã gửi.

3. Người gửi tinh trùng, gửi noãn, gửi phôi có quyền yêu cầu chuyển tinh trùng, noãn, phôi đang lưu giữ từ cơ sở này sang cơ sở khác. Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn việc giao, nhận tinh trùng, noãn, phôi giữa các cơ sở lưu giữ, bảo quản tinh trùng, noãn, phôi.

Điều 9. Gửi tinh trùng, gửi noãn, gửi phôi

1. Việc gửi tinh trùng, gửi noãn, gửi phôi được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

- a) Người chồng hoặc người vợ trong cặp vợ chồng đang điều trị vô sinh;
- b) Trường hợp quy định tại Điều 5 Nghị định này;
- c) Người có nguyện vọng muốn lưu giữ cá nhân.

2. Trường hợp người gửi tinh trùng, gửi noãn, gửi phôi chết:

a) Nếu người gửi tinh trùng, noãn chết thì cơ sở lưu trữ phải hủy số tinh trùng đang lưu trữ của người đó, trừ các trường hợp sau:

- Có văn bản của người chồng trong cặp vợ chồng trước khi chết thể hiện nguyện vọng cho người vợ được sinh con bằng tinh trùng đó;

- Có văn bản hiến tinh trùng, noãn cho cơ sở đủ điều kiện lưu giữ theo quy định tại Nghị định này.

b) Nếu người chồng trong cặp vợ chồng gửi phôi chết thì phải hủy phôi của cặp vợ chồng đó, trừ các trường hợp:

- Có văn bản của người chồng trước khi chết thể hiện nguyện vọng cho người vợ được sinh con bằng phôi đó;

- Có văn bản của cả hai vợ chồng trong đó thể hiện nguyện vọng hiến phôi đang lưu giữ cho cơ sở để nghiên cứu khoa học hoặc thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản cho người khác.

c) Nếu người vợ trong cặp vợ chồng hoặc cả hai vợ chồng gửi phôi chết thì phải hủy phôi của cặp vợ chồng đó, trừ trường hợp có văn bản của cả hai vợ chồng trong đó thể hiện nguyện vọng hiến phôi đang lưu giữ cho cơ sở để nghiên cứu khoa học hoặc thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản cho người khác.

3. Trường hợp cặp vợ chồng gửi phôi ly hôn:

a) Cơ sở phải hủy phôi đang lưu giữ nếu có văn bản đề nghị hủy của cả hai vợ chồng trừ trường hợp có văn bản đồng ý của cả hai vợ chồng về việc:

- Đề nghị tiếp tục lưu giữ phôi và cam kết chi trả chi phí lưu giữ theo quy định của cơ sở;

- Hiến phôi đang lưu giữ cho cơ sở để sử dụng vào mục đích nghiên cứu khoa học hoặc thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản cho người khác.

b) Cơ sở được phép thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản cho người vợ trong cặp vợ chồng đó bằng phôi đang lưu giữ nếu có văn bản đồng ý của người chồng;

4. Người sử dụng tinh trùng, noãn, phôi thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 Điều này làm phát sinh các quan hệ ngoài quan hệ hôn nhân gia đình thì thực hiện theo quy định của pháp luật hôn nhân gia đình và pháp luật dân sự.

5. Cơ sở phải sử dụng biện pháp mã hóa các thông tin về người hiến, trừ trường hợp hiến tặng cho mục đích nghiên cứu khoa học.

Mục 3

ĐIỀU KIỆN, HỒ SƠ, THỦ TỤC, THẨM QUYỀN CẤP PHÉP THỰC HIỆN KỸ THUẬT THỤ TINH TRONG ỚNG NGHIỆM

Điều 10. Điều kiện của cơ sở được thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm

1. Điều kiện đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã được cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh và đề nghị bổ sung kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm vào phạm vi hoạt động chuyên môn:

a) Có phạm vi hoạt động chuyên khoa phụ sản và có khả năng thực hiện xét nghiệm nội tiết sinh sản;

b) Có phòng hồi sức cấp cứu có khả năng thực hiện các kỹ thuật cấp cứu sản khoa;

c) Có đơn nguyên riêng để thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm gồm các phòng: chọc hút noãn; lấy tinh trùng; nuôi cấy; xét nghiệm và lọc rửa tinh trùng.

d) Có tối thiểu các thiết bị y tế: 02 tủ cấy CO₂; 02 tủ ẩm; 01 bình trữ tinh trùng; 01 máy ly tâm; 01 bình trữ phôi đông lạnh; 01 máy siêu âm có đầu dò âm đạo; 01 kính hiển vi đảo ngược; 02 kính hiển vi soi nổi; 01 bộ tủ thao tác.

đ) Nhân sự:

- Có ít nhất 02 người hành nghề với chức danh bác sĩ có phạm vi hành nghề khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa sản khoa;

- Có ít nhất 02 người có trình độ đại học về một trong các lĩnh vực y, dược hoặc sinh học.

Các nhân sự quy định tại điểm này phải có xác nhận bằng văn bản đủ khả năng thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm theo mẫu quy định tại Phụ lục 03b ban hành kèm theo Nghị định này và đã trực tiếp thực hiện ít nhất 20 chu kỳ điều trị vô sinh bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm. Cơ sở thực hiện việc xác nhận phải là cơ sở đã được cấp có thẩm quyền cho phép thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm và đã thực hiện ít nhất 1000 chu kỳ điều trị vô sinh bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm.

2. Điều kiện đối với cơ sở chưa được cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh và trong phạm vi hoạt động chuyên môn có đề nghị cho phép thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm:

Ngoài việc đáp ứng các điều kiện cấp giấy phép hoạt động cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Điều 52 Luật Khám bệnh, chữa bệnh, Điều 59 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh phải đáp ứng thêm các quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 11. Hồ sơ, thủ tục, thẩm quyền cấp mới, cấp lại, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi nội dung về thụ tinh trong ống nghiệm trong giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh

Hồ sơ, thủ tục, thẩm quyền cấp mới, cấp lại, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi nội dung về thụ tinh trong ống nghiệm trong giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh thực hiện theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh.

Chương III

MANG THAI HỘ VÌ MỤC ĐÍCH NHÂN ĐẠO

Điều 12. Điều kiện, hồ sơ, thủ tục cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được thực hiện kỹ thuật mang thai hộ vì mục đích nhân đạo

1. Điều kiện: có ít nhất 02 năm kinh nghiệm thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm, trong đó 02 năm gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ phải thực hiện được tối thiểu là 500 chu kỳ thụ tinh trong ống nghiệm mỗi năm.

2. Hồ sơ, thủ tục đề nghị công nhận cơ sở được thực hiện kỹ thuật mang thai hộ vì mục đích nhân đạo

a) Hồ sơ đề nghị công nhận cơ sở được thực hiện kỹ thuật mang thai hộ vì mục đích nhân đạo, gồm:

- Công văn đề nghị Bộ Y tế công nhận cơ sở được thực hiện kỹ thuật mang thai hộ vì mục đích nhân đạo theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

- Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Hồ sơ đề nghị công nhận cơ sở được thực hiện kỹ thuật mang thai hộ vì mục đích nhân đạo lập thành 01 bộ và gửi về Bộ Y tế bằng một trong các hình thức sau:

- Gửi trực tiếp tại bộ phận một cửa;

- Gửi trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp Bộ, cấp tỉnh;

Trong trường hợp này, các hồ sơ là bản số hóa hoặc bản ký điện tử theo quy định của pháp luật.

- Gửi qua dịch vụ bưu chính.

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Y tế phải xem xét hồ sơ và ra quyết định công nhận cơ sở được thực hiện kỹ thuật mang thai hộ vì mục đích nhân đạo. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Bộ Y tế phải có văn bản thông báo, nêu rõ lý do gửi cơ sở đề nghị được thực hiện kỹ thuật mang thai hộ vì mục đích nhân đạo để hoàn chỉnh hồ sơ.

Điều 13. Hồ sơ, thủ tục đề nghị mang thai hộ vì mục đích nhân đạo

1. Cặp vợ chồng vô sinh gửi hồ sơ đề nghị thực hiện kỹ thuật mang thai hộ vì mục đích nhân đạo đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được phép thực hiện kỹ thuật này, gồm:

a) Đơn đề nghị được thực hiện kỹ thuật mang thai hộ vì mục đích nhân đạo theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm về việc người vợ có bệnh lý, nếu mang thai sẽ có nhiều nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng của người mẹ, thai nhi và người mẹ không thể mang thai và sinh con ngay cả khi áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản;

c) Bản xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc người mang thai hộ, người nhờ mang thai hộ tự mình chứng minh về mối quan hệ thân thích cùng hàng trên cơ sở các giấy tờ hộ tịch có liên quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các giấy tờ này;

2. Sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, cơ sở được cho phép thực hiện kỹ thuật mang thai hộ phải tổ chức thực hiện kỹ thuật mang thai hộ. Trường hợp không thể thực hiện được kỹ thuật này thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Các quy định và văn bản sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị định số 10/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định về sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo (sau đây gọi tắt là Nghị định số 10/2015/NĐ-CP);

b) Nghị định số 98/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định về sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo;

c) Khoản 2 Điều 19 Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế.

Điều 15. Điều khoản chuyển tiếp

1. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã được thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm và mang thai hộ vì mục đích nhân đạo được tiếp tục hoạt động.

2. Trường hợp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã nộp hồ sơ đề nghị công nhận cơ sở được thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm hoặc kỹ thuật mang thai hộ vì mục đích nhân đạo trước ngày Nghị định này có hiệu lực nhưng chưa giải quyết xong thì được tiếp tục thực hiện theo trình tự, thủ tục tại các quy định và văn bản tại khoản 2 Điều 14 Nghị định này.

3. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã được thực hiện kỹ thuật mang thai hộ vì mục đích nhân đạo không phải thực hiện quy định tại Điều 12 Nghị định này

Điều 16. Trách nhiệm thi hành

1. Cơ sở thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm, cơ sở thực hiện mang thai hộ có trách nhiệm:

a) Định kỳ trước ngày 30 tháng 7 và 31 tháng 01 hằng năm, các cơ sở được điều chỉnh giấy phép hoạt động thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm, thực hiện kỹ thuật mang thai hộ vì mục đích nhân đạo có trách nhiệm gửi báo cáo tình hình thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản và mang thai hộ vì mục đích nhân đạo về cơ quan có thẩm quyền quản lý đồng thời gửi về Bộ Y tế theo Mẫu số 07 ban hành

kèm theo Nghị định này, trừ trường hợp các thông tin này đã được kết nối, chia sẻ trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế;

b) Thực hiện việc mã hóa, lưu trữ và kết nối, chia sẻ thông tin về hiến, nhận, lưu giữ tinh trùng, noãn phôi với cơ sở dữ liệu dùng chung theo quy định của Bộ Y tế .

2. Bộ Y tế có trách nhiệm:

a) Kiểm tra, thanh tra, chỉ đạo, đôn đốc việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị định này;

b) Tổ chức sơ, kết, tổng kết việc thực hiện Nghị định này theo quy định của pháp luật.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX (3b).

TM. CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG

PHỤ LỤC
MẪU CÔNG VĂN, BIÊN BẢN, ĐƠN, CAM KẾT,
THỎA THUẬN, BÁO CÁO VỀ HỖ TRỢ SINH SẢN
VÀ ĐIỀU KIỆN MANG THAI HỘ VÌ MỤC ĐÍCH NHÂN ĐẠO

(Ban hành kèm theo Nghị định số ... ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ)

STT	Loại biểu mẫu	Nội dung
1	Mẫu số 01	Công văn đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm
2	Mẫu số 02	Biên bản thẩm định điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm
3	Mẫu số 03a	Bản xác nhận thực hành kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm
4	Mẫu số 03b	Bản xác nhận đủ khả năng thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm
5	Mẫu số 04	Công văn đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện kỹ thuật mang thai hộ vì mục đích nhân đạo
6	Mẫu số 05	Đơn đề nghị thực hiện kỹ thuật mang thai hộ
7	Mẫu số 06	Bản cam kết tự nguyện và thỏa thuận về mang thai hộ vì mục đích nhân đạo
8	Mẫu số 07	Báo cáo định kỳ tình hình thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản và mang thai hộ vì mục đích nhân đạo

Mẫu số 01. Công văn đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm

**CƠ SỞ
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /.....

....., ngày ... tháng năm 20...

V/v: Đề nghị thẩm định điều chỉnh
giấy phép hoạt động cơ sở
được thực hiện kỹ thuật
thụ tinh trong ống nghiệm

Kính gửi: Cơ quan có thẩm quyền

Cơ sở khám bệnh chữa bệnh... được thành lập từ năm và đã được cấp Giấy phép hoạt động số: năm Để đáp ứng nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh của nhân dân, đặc biệt là nhu cầu điều trị vô sinh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh... đã chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị và nhân sự theo quy định tại Nghị định số/ ... /NĐ-CP ngày tháng năm... của Chính phủ quy định về sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo. Hồ sơ gồm có:

1. Bản kê khai nhân sự, thiết bị, sơ đồ mặt bằng của đơn vị thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm;
2. Các văn bằng, chứng chỉ của cán bộ trực tiếp thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm;
3. Bản xác nhận nhân sự trực tiếp thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm đã thực hiện 20 chu kỳ điều trị vô sinh bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm;
4. Giấy phép hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và chứng chỉ hành nghề hoặc giấy phép hành nghề của nhân sự thực hiện thụ tinh trong ống nghiệm.
5. Các tài liệu khác kèm theo (nếu có)

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh gửi văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền thành lập Đoàn thẩm định để điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,

**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ SỞ
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu

hoặc ký điện tử theo quy định của pháp luật)

Mẫu số 02. Biên bản thẩm định điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỘ Y TẾ
(Hoặc cấp có thẩm quyền)

Số: /...

....., ngày ... tháng năm 20...

BIÊN BẢN

Thẩm định điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm tại

Thực hiện Quyết định số: ngày tháng ... năm 20... của ... (cơ quan có thẩm quyền) về việc thành lập Đoàn thẩm định điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm thuộc (ghi rõ thuộc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nào, nếu có), Hôm nay, ngày.... tháng.... năm 20..., Đoàn đã tiến hành thẩm định Đơn vị hỗ trợ sinh sản

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ

Đoàn thẩm định gồm:

1. Ông/Bà lãnh đạo Vụ, Cục/Đơn vị phụ trách công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, sức khỏe sinh sản - Trưởng đoàn;
2. Ông/Bà lãnh đạo Vụ, Cục/Đơn vị phụ trách công tác pháp chế - Phó trưởng đoàn;
3.

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh gồm:

1. Ông/Bà lãnh đạo cơ sở khám bệnh, chữa bệnh
- 2.....

II. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Tiêu chuẩn cơ sở

Đáp ứng điều kiện của cơ sở được thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm quy định tại Điều 10 Nghị định số ... ngày ... của Chính phủ

2. Tiêu chuẩn nhân sự

TT	Nội dung yêu cầu	Kết quả	
		Có	Không
1	Có ít nhất 02 người hành nghề với chức danh bác sĩ có phạm vi hành nghề khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa sản khoa;		
2	Có ít nhất 02 người có trình độ đại học về một trong các lĩnh vực y, dược hoặc sinh học.		

TT	Nội dung yêu cầu	Kết quả	
		Có	Không
3	Các nhân sự nêu trên có xác nhận bằng văn bản đủ khả năng thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm theo mẫu quy định tại Mẫu số 03b ban hành kèm theo Nghị định này và đã trực tiếp thực hiện ít nhất 20 chu kỳ điều trị vô sinh bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm ¹ .		

Kết luận:

3. Tiêu chuẩn thiết bị

TT	Nội dung yêu cầu	Kết quả	
		Có	Không

Kết luận:

4. Tiêu chuẩn cơ sở vật chất

Kết luận:

III. KẾT LUẬN

Đơn nguyên hỗ trợ sinh sản đạt/không đạt các điều kiện về nhân sự, thiết bị và cơ sở vật chất theo quy định tại Nghị định số.... ngày... của Chính phủ.

Trên cơ sở kết quả thẩm định, Đoàn thẩm định trình biên bản để lãnh đạo cơ quan có thẩm quyền xem xét điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm.

Cuộc họp thẩm định kết thúc vào thời gian:.... ngày.... tháng.... năm 20....

ĐOÀN THẨM ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ tên)

CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu
hoặc ký điện tử theo quy định của pháp luật)

¹ Cơ sở thực hiện việc xác nhận phải là cơ sở đã được cấp có thẩm quyền cho phép thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm và đã thực hiện ít nhất 1000 chu kỳ điều trị vô sinh bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm.

Mẫu số 03a. Bản xác nhận thực hành kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN¹ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TÊN CƠ SỞ HƯỚNG DẪN **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
THỰC HÀNH -----

Số:/.....

....., ngày tháng năm ...

BẢN XÁC NHẬN THỰC HÀNH
KỸ THUẬT THỤ TINH TRONG ỐNG NGHIỆM

.....² xác nhận:

Họ và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Địa chỉ cư trú:

Số căn cước/số căn cước công dân/số chứng minh nhân dân/số định danh cá nhân/
số hộ chiếu³:

Ngày cấp:Nơi cấp:.....

Văn bằng chuyên môn:.....⁴.....Năm tốt nghiệp:.....

Đã trực tiếp thực hành (số) chu kỳ thụ tinh trong ống nghiệm

Tại:⁵ do⁶ hướng dẫn

và đạt kết quả như sau:

1. Thời gian thực hành:

2. Năng lực chuyên môn:⁷3. Đạo đức nghề nghiệp:⁸.....

Cơ sở hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm về Bản xác nhận này.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH⁹

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu

hoặc ký điện tử theo quy định của pháp luật)

¹ Tên cơ quan chủ quản của cơ sở hướng dẫn, thực hành.² Tên cơ sở hướng dẫn, thực hành.³ Ghi một trong năm thông tin về số chứng minh nhân dân/số căn cước công dân/số căn cước/số định danh cá nhân/số hộ chiếu còn hạn sử dụng.⁴ Ghi rõ theo văn bằng, chuyên môn theo văn bằng đào tạo.⁵ Ghi rõ tên bộ phận chuyên môn đã thực hành.⁶ Họ và tên người chịu trách nhiệm chính trong việc hướng dẫn thực hành.⁷ Nhận xét cụ thể về khả năng thực hành kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm.⁸ Nhận xét cụ thể về giao tiếp, ứng xử của người đăng ký thực hành đối với đồng nghiệp và người bệnh.⁹ Người đứng đầu hoặc người được người đứng đầu ủy quyền ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu.

Mẫu số 03b. Bản xác nhận đủ khả năng thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN¹ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TÊN CƠ SỞ KHÁM BỆNH, **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
CHỮA BỆNH -----

Số:/.....

....., ngày tháng năm ...

**BẢN XÁC NHẬN ĐỦ KHẢ NĂNG THỰC HIỆN
 KỸ THUẬT THỤ TINH TRONG ỐNG NGHIỆM**

.....² xác nhận:

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Địa chỉ cư trú:

Số căn cước/số căn cước công dân/số chứng minh nhân dân/số định danh cá nhân/
 số hộ chiếu³:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Văn bằng chuyên môn:.....⁴ Năm tốt nghiệp:.....

Chứng chỉ đào tạo liên tục về:⁵

Đủ khả năng thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm

Tại:⁶ do⁷ hướng dẫn
 và đạt kết quả như sau:

1. Thời gian học tập:

2. Năng lực chuyên môn:⁸

3. Đạo đức nghề nghiệp:⁹

Cơ sở đào tạo liên tục chịu trách nhiệm về Bản xác nhận này.

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
 HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH¹⁰**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu

hoặc ký điện tử theo quy định của pháp luật)

¹ Tên cơ quan chủ quản của cơ sở đã được cấp có thẩm quyền cho phép thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm và đã thực hiện ít nhất 1000 chu kỳ điều trị vô sinh bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm.

² Tên cơ sở đã được cấp có thẩm quyền cho phép thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm và đã thực hiện ít nhất 1000 chu kỳ điều trị vô sinh bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm.

³ Ghi một trong năm thông tin về số chứng minh nhân dân/số căn cước công dân/số căn cước/số định danh cá nhân/số hộ chiếu còn hạn sử dụng.

⁴ Ghi rõ theo văn bằng, chuyên môn theo văn bằng đào tạo.

⁵ Ghi rõ theo chứng chỉ đào tạo liên tục về kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm.

⁶ Ghi rõ tên cơ sở đào tạo liên tục.

⁷ Họ và tên người chịu trách nhiệm chính trong chương trình đào tạo.

⁸ Nhận xét cụ thể về khả năng thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm.

⁹ Nhận xét cụ thể về giao tiếp, ứng xử của người được xác nhận đối với đồng nghiệp và người bệnh.

¹⁰ Người đứng đầu hoặc người được người đứng đầu ủy quyền ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu.

Mẫu số 04. Công văn đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở được thực hiện kỹ thuật mang thai hộ vì mục đích nhân đạo

CÔNG VĂN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH THỰC HIỆN KỸ THUẬT MANG THAI HỘ VÌ MỤC ĐÍCH NHÂN ĐẠO

**CƠ SỞ
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /.....

....., ngày tháng.....năm 20....

V/v đề nghị cấp giấy phép điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện kỹ thuật mang thai hộ vì mục đích nhân đạo

Kính gửi: Cơ quan có thẩm quyền)

Cơ sở khám bệnh chữa bệnh.... được thành lập từ năm..... và đã được cấp Giấy phép hoạt động số:..... năm..... Để đáp ứng nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh của nhân dân, đặc biệt là nhu cầu điều trị vô sinh, ngày.... tháng... năm....., cơ quan có thẩm quyền đã có Quyết định số:...../... về việc công nhận cơ sở được thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm.

Sau khi rà soát, đối chiếu với các quy định tại khoản ... Điều ... Nghị định số ... ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh... xin gửi kèm theo Công văn này các tài liệu chứng minh đã thực hiện tổng số chu kỳ thụ tinh trong ống nghiệm tối thiểu là 500 chu kỳ mỗi năm trong hai năm gần nhất, bao gồm:

1. Quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc cơ sở được thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm.

2. Danh sách các trường hợp đã được thực hiện thụ tinh trong ống nghiệm, có đầy đủ các thông tin: mã số người bệnh; tuổi; số chứng minh thư; điện thoại liên lạc; ngày chọc hút noãn; ngày chuyển phôi (có xác nhận của bệnh viện).

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đề nghị cơ quan có thẩm quyền) ra quyết định điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở được thực hiện kỹ thuật mang thai hộ vì mục đích nhân đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,

**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ SỞ
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu
hoặc ký điện tử theo quy định của pháp luật)

Mẫu số 05. Đơn đề nghị thực hiện kỹ thuật mang thai hộ vì mục đích nhân đạo**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 20....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**THỰC HIỆN KỸ THUẬT MANG THAI HỘ VÌ MỤC ĐÍCH NHÂN ĐẠO****Kính gửi:** (Cơ sở được phép thực hiện kỹ thuật mang thai hộ).**I. PHẦN DÀNH CHO VỢ CHỒNG NHỜ MANG THAI HỘ (BÊN NHỜ MANG THAI HỘ)**

1. Thông tin của bên nhờ mang thai hộ:

- Họ, chữ đệm và tên khai sinh của vợ:.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Số căn cước/số căn cước công dân/số định danh cá nhân/số chứng minh nhân dân/số hộ chiếu: Ngày cấp:, nơi cấp:..... (kèm theo Đơn)

Nơi cư trú:

Số điện thoại: Nhà riêng: Di động:

Email:

- Họ, chữ đệm và tên khai sinh của chồng:.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Số căn cước/số căn cước công dân/số định danh cá nhân/số chứng minh nhân dân/số hộ chiếu: Ngày cấp:, nơi cấp:..... (kèm theo Đơn)

Nơi cư trú:

Số điện thoại: Nhà riêng: Di động:

Email:

- Giấy chứng nhận kết hôn: số, Ngày cấp

Nơi cấp:..... (kèm theo Đơn)

2. Tóm tắt lý do đề nghị thực hiện kỹ thuật mang thai hộ

.....

3. Chúng tôi (vợ chồng bên nhờ mang thai hộ) cam đoan hiện chúng tôi đang không có con chung

4. Đã có cam kết tự nguyện của bên mang thai hộ và bên nhờ mang thai hộ

Đã có Chưa có

5. Đã có xác nhận của cơ sở được thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm xác nhận người vợ không thể mang thai và sinh con ngay cả khi áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản?

Đã có Chưa có

6. Bên nhờ mang thai hộ đã được tư vấn về y tế chưa?

Đã tư vấn

Chưa tư vấn

Ngày tư vấn:

Tên bác sỹ:.....

7. Bên nhờ mang thai hộ đã được tư vấn về tâm lý chưa?

Đã tư vấn

Chưa tư vấn

Ngày tư vấn:.....

Tên người tư vấn:.....

8. Bên nhờ mang thai hộ đã được tư vấn về pháp lý liên quan đến việc mang thai hộ chưa?

Đã tư vấn

Chưa tư vấn

Ngày tư vấn:.....

Tên luật sư, luật gia hoặc người trợ giúp pháp lý:.....

II. PHẦN DÀNH CHO VỢ CHỒNG NGƯỜI MANG THAI HỘ (SAU ĐÂY GỌI LÀ BÊN MANG THAI HỘ)

1. Phần thông tin của bên mang thai hộ

- Họ, chữ đệm và tên khai sinh của người mang thai hộ:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi cư trú:

Số điện thoại: Nhà riêng:..... Di động:

Email:

- Họ, chữ đệm và tên khai sinh của chồng (nếu có):

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi cư trú:

Số điện thoại: Nhà riêng:..... Di động:.....

Email:

Tiền sử sinh sản của người vợ (bao gồm thời gian, thông tin chi tiết và kết quả của những lần mang thai trước)

.....

2. Tóm tắt lý do đồng ý mang thai hộ

.....

3. Tôi (người mang thai hộ) cam đoan chưa mang thai hộ lần nào.

4. Đã có thỏa thuận bằng văn bản thể hiện sự đồng ý của bên mang thai hộ và bên nhờ mang thai hộ (cam kết tự nguyện)

Đã có

Chưa có

5. Đã được cơ sở khám bệnh, chữa bệnh xác nhận khả năng mang thai, sinh con và người mang thai hộ đã từng sinh con

Đã có

Chưa có

6. Đã có xác nhận bên mang thai hộ là người thân thích cùng hàng của bên vợ hoặc bên chồng nhờ mang thai hộ

Đã có

Chưa có

7. Tôi (chồng của người mang thai hộ) đồng ý để vợ tôi mang thai hộ (trường hợp người phụ nữ mang thai hộ có chồng)

8. Bên mang thai hộ đã được bác sỹ tư vấn về y tế chưa?

Đã tư vấn

Chưa tư vấn

Ngày tư vấn:.....

Tên bác sỹ:

9. Bên mang thai hộ đã được tư vấn về tâm lý chưa?

Đã tư vấn

Chưa tư vấn

Ngày kiểm tra:.....

Tên người tư vấn:.....

10. Bên mang thai hộ đã được tư vấn về pháp lý liên quan đến việc mang thai hộ chưa?

Đã tư vấn

Chưa tư vấn

Ngày tư vấn:.....

Tên luật sư, luật gia, người trợ giúp pháp lý:

**NGƯỜI VỢ NHỜ
MANG THAI HỘ**
(Ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI CHỒNG NHỜ
MANG THAI HỘ**
(Ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI VỢ
MANG THAI HỘ**
(Ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI CHỒNG
MANG THAI HỘ**
(Ký, ghi rõ họ tên)

Lưu ý:

1) Việc mang thai hộ phải tuân thủ quy định tại khoản 22 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình.

2) Mỗi trang của Đơn này phải có đầy đủ chữ ký của bên nhờ mang thai hộ và bên mang thai hộ.

....., ngày tháng năm

Mẫu số 06. Bản cam kết tự nguyện và thỏa thuận về mang thai hộ vì mục đích nhân đạo

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 20....

**BẢN CAM KẾT TỰ NGUYỆN VÀ THỎA THUẬN
MANG THAI HỘ VÌ MỤC ĐÍCH NHÂN ĐẠO**

I. THÔNG TIN CỦA VỢ, CHỒNG NHỜ MANG THAI HỘ (BÊN NHỜ MANG THAI HỘ):

- Họ, chữ đệm và tên khai sinh của vợ:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi cư trú:

Nơi ở hiện nay:

Số định danh cá nhân:Ngày cấp, nơi cấp:.....

Ngày cấp, nơi cấp:.....

- Họ, chữ đệm và tên khai sinh của chồng:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi cư trú:

Nơi ở hiện nay:

Số định danh cá nhân:Ngày cấp, nơi cấp:.....

Ngày cấp, nơi cấp:.....

Vợ chồng tôi hiện nay chưa có con chung và đã được cơ sở thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm xác nhận (tên người vợ) bị bệnh không thể mang thai và sinh con ngay cả khi áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản. Với nguyện vọng có một con chung của vợ chồng, chúng tôi đã nhờ chị (viết đầy đủ họ tên người mang thai hộ) mang thai hộ vì mục đích nhân đạo. Chị đã đồng ý tự nguyện mang thai giúp cho vợ chồng tôi.

Chúng tôi đã được tư vấn về y tế, pháp lý, tâm lý đầy đủ.

II. PHẦN THÔNG TIN CỦA VỢ CHỒNG MANG THAI HỘ (BÊN MANG THAI HỘ)

- Họ, chữ đệm và tên khai sinh của vợ:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi cư trú:

Nơi ở hiện nay:

Số định danh cá nhân:Ngày cấp, nơi cấp:.....

- Họ, chữ đệm và tên khai sinh của chồng:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi cư trú:

Nơi ở hiện nay:.....

Số định danh cá nhân:Ngày cấp, nơi cấp:.....

Tôi là chị, em (người thân thích cùng hàng của bên vợ hoặc bên chồng nhờ mang thai hộ). Tôi đã sinh con (số con) và chưa mang thai hộ lần nào. Được biết (vợ chồng nhờ mang thai hộ) bị bệnh không thể mang thai và sinh con. Nên sau khi được (vợ chồng nhờ mang thai) nhờ mang thai giúp, với tình cảm họ hàng, tôi đồng ý mang thai hộ (tên vợ chồng nhờ mang thai). Tôi đã được cơ sở thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm xác nhận có khả năng mang thai và sinh con.

Sau khi đã được tư vấn đầy đủ về y tế, pháp lý và tâm lý, chúng tôi đã có hiểu biết về những rủi ro có thể xảy ra trong quá trình mang thai hộ, nghĩa vụ trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng phụ nữ mang thai và sinh con, nghĩa vụ đối với đứa trẻ được sinh ra. Chúng tôi viết Bản cam kết và thỏa thuận này để khẳng định đồng ý mang thai hộ, việc nhờ mang thai hộ và mang thai hộ là tự nguyện, không có ai bị đe dọa, ép buộc hoặc vì mục đích thương mại./.

III. CHÚNG TÔI CAM KẾT THỰC HIỆN ĐẦY ĐỦ QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ NHƯ SAU:

1. Đối với bên mang thai hộ vì mục đích nhân đạo:

a) Có quyền, nghĩa vụ như cha mẹ trong việc chăm sóc sức khỏe sinh sản và chăm sóc, nuôi dưỡng con cho đến thời điểm giao đứa trẻ cho bên nhờ mang thai hộ; phải giao đứa trẻ cho bên nhờ mang thai hộ.

b) Tuân thủ quy định về thăm khám, các quy trình sàng lọc để phát hiện, điều trị các bất thường và những dị tật của bào thai theo quy định của Bộ Y tế.

c) Có quyền yêu cầu bên nhờ mang thai hộ thực hiện việc hỗ trợ, chăm sóc sức khỏe sinh sản.

Trong trường hợp vì lý do tính mạng, sức khỏe của mình hoặc sự phát triển của thai nhi, người mang thai hộ có quyền quyết định về số lượng bào thai, việc tiếp tục hay không tiếp tục mang thai phù hợp với quy định của pháp luật y tế về chăm sóc sức khỏe sinh sản và sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản.

d) Người mang thai hộ được hưởng chế độ thai sản theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

đ) Trong trường hợp bên nhờ mang thai hộ từ chối nhận con thì bên mang thai hộ có quyền yêu cầu Tòa án buộc bên nhờ mang thai hộ nhận con.

2. Đối với bên nhờ mang thai hộ vì mục đích nhân đạo:

a) Có nghĩa vụ chi trả các chi phí thực tế để đảm bảo việc chăm sóc sức khỏe sinh sản theo quy định của Bộ Y tế.

b) Có quyền và nghĩa vụ đối với con kể từ thời điểm con được sinh ra. Người mẹ nhờ mang thai hộ được hưởng chế độ thai sản theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

c) Không được từ chối nhận con. Trong trường hợp bên nhờ mang thai hộ chậm nhận con, hoặc vi phạm nghĩa vụ về nuôi dưỡng, chăm sóc con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và bị xử lý theo quy định của pháp luật có liên quan; nếu gây thiệt hại cho bên mang thai hộ thì phải bồi thường. Trong trường hợp bên nhờ mang thai hộ chết thì con được hưởng thừa kế theo pháp luật đối với di sản của bên nhờ mang thai hộ.

d) Giữa con sinh ra từ việc mang thai hộ với các thành viên khác của gia đình bên nhờ mang thai hộ có các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Bộ luật Dân sự và luật khác có liên quan.

đ) Trong trường hợp bên mang thai hộ từ chối giao con thì bên nhờ mang thai hộ có quyền yêu cầu Tòa án buộc bên mang thai hộ giao con.

IV. THỎA THUẬN VỀ VIỆC GIẢI QUYẾT HẬU QUẢ TRONG TRƯỜNG HỢP CÓ TAI BIẾN SẢN KHOA; HỖ TRỢ ĐỂ BẢO ĐẢM SỨC KHỎE SINH SẢN CHO NGƯỜI MANG THAI HỘ TRONG THỜI GIAN MANG THAI VÀ SINH CON, VIỆC NHẬN CON CỦA BÊN NHỜ MANG THAI HỘ, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HAI BÊN ĐỐI VỚI CON TRONG TRƯỜNG HỢP CON CHƯA ĐƯỢC GIAO CHO BÊN NHỜ MANG THAI HỘ VÀ CÁC QUYỀN, NGHĨA VỤ KHÁC CÓ LIÊN QUAN:

.....

V. TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ TRONG TRƯỜNG HỢP MỘT HOẶC CẢ HAI BÊN VI PHẠM CAM KẾT THEO THỎA THUẬN

.....

....., ngày tháng năm

NGƯỜI VỢ NHỜ	NGƯỜI CHỒNG NHỜ	NGƯỜI VỢ	NGƯỜI CHỒNG
MANG THAI HỘ	MANG THAI HỘ	MANG THAI HỘ	MANG THAI HỘ
<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>

Lưu ý:

Thỏa thuận về việc mang thai hộ phải được lập thành văn bản có công chứng. Trong trường hợp vợ chồng bên nhờ mang thai hộ ủy quyền cho nhau hoặc vợ chồng bên mang thai hộ ủy quyền cho nhau về việc thỏa thuận thì việc ủy quyền phải lập thành văn bản có công chứng. Việc ủy quyền cho người thứ ba không có giá trị pháp lý.

Trong trường hợp thỏa thuận về mang thai hộ giữa bên mang thai hộ và bên nhờ mang thai hộ được lập cùng với thỏa thuận giữa họ với cơ sở y tế thực hiện việc sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản thì thỏa thuận này phải có xác nhận của người có thẩm quyền của cơ sở y tế này.

Mẫu số 07. Báo cáo định kỳ tình hình thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản và mang thai hộ vì mục đích nhân đạo

CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CHỮA BỆNH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
(CƠ SỞ HTSS.....)

 Số:BC-.....

....., ngày tháng năm 20....

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KỸ THUẬT HỖ TRỢ SINH SẢN
VÀ MANG THAI HỘ VÌ MỤC ĐÍCH NHÂN ĐẠO

Kỳ báo cáo:

Từ ngày 01 tháng 01 đến 30 tháng 6 năm ...)
 (hoặc từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12 năm ...)

Kính gửi: Cơ quan có thẩm quyền được quy định tại Điều 11 Nghị định này

Cơ sở hỗ trợ sinh sản hoặc cơ sở hỗ trợ sinh sản thuộc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh..... báo cáo tình hình thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản và mang thai hộ vì mục đích nhân đạo từ tháng năm đến tháng năm như sau:

1. Kết quả thực hiện:

S TT	Nội dung	Số trường hợp	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Tổng số trường hợp (số cặp vợ chồng và phụ nữ độc thân) khám vô sinh			
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KỸ THUẬT BƠM TINH TRÙNG VÀO BUỒNG TỬ CUNG (IUI)				
2	Tổng số chu kỳ thực hiện IUI			
3	Tổng số trường hợp (số cặp vợ chồng và phụ nữ độc thân) thực hiện IUI			
4	Số trường hợp có thai lâm sàng sau IUI			
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KỸ THUẬT THỤ TINH TRONG ỐNG NGHIỆM (IVF)				
5	Tổng số người hiến tinh trùng			
6	Tổng số chu kỳ KTBT-IVF			
7	Tổng số chu kỳ chọc hút trứng			
8	Tổng số trường hợp (số cặp vợ chồng và phụ nữ độc thân) thực hiện IVF			
9	Số chu kì thực hiện IVF			
	Trong đó:			
	- Số chu kì thực hiện IVF cổ điển			
	- Số chu kì thực hiện IVF/ICSI			
10	Số phôi chuyển trung bình			

S TT	Nội dung	Số trường hợp	Tỷ lệ	Ghi chú
11	Tổng số chu kì chuyển phôi Trong đó: - Phôi ngày 3 - Phôi ngày 5 - Phôi tươi - Phôi trữ - Số chu kỳ chuyển phôi có hiến/nhận noãn - Số chu kỳ chuyển phôi có hiến/nhận tinh trùng - Số chu kỳ chuyển phôi có hiến/nhận phôi - Số chu kỳ chuyển phôi để thực hiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo			
12	Tổng số cặp vợ chồng thực hiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo Trong đó: - Do không có tử cung/bệnh lý tử cung - Do bệnh lý của mẹ - Do chuyển phôi thất bại nhiều lần - Khác (ghi rõ)			
13	Tỷ lệ thụ tinh			
14	Tỷ lệ làm tổ			
15	Số trường hợp thai sinh hóa			
16	Số trường hợp có thai lâm sàng			
17	Số trường hợp có thai diễn tiến			
18	Số trường hợp có thai sinh sống			
19	Số trường hợp đa thai			
20	Tổng số trẻ sinh sống nhờ thực hiện kỹ thuật IVF			
21	Tổng số trẻ sinh sống nhờ thực hiện kỹ thuật mang thai hộ vì mục đích nhân đạo			
CÁC KỸ THUẬT KHÁC				
22	Lấy tinh trùng từ mào tinh bằng vi phẫu MESA			
23	Lấy tinh trùng từ tinh hoàn qua PESA hoặc TESE			
24	Vi phẫu tìm tinh trùng từ mô tinh hoàn Micro TESE			
25	Trưởng thành noãn non trong IVF			
26	Hỗ trợ phôi thoát màng			
27	Giảm thiểu phôi			
28	Xét nghiệm di truyền tiền làm tổ Trong đó: - Số trường hợp có kết quả phôi bình thường - Số trường hợp được chuyển phôi - Số trường hợp có thai lâm sàng - Số trường hợp có thai sinh sống			

S TT	Nội dung	Số trường hợp	Tỷ lệ	Ghi chú
CÁC BIẾN CHỨNG				
29	Quá kích buồng trứng			
	Trong đó:			
	- Nhẹ			
	- Vừa			
	- Nặng			
30	Chảy máu trong (xuất huyết nội)			
31	Khác (ghi rõ)			

2. Tình hình vi phạm:

- Phát hiện:
- Xử lý:
- Khác:

3. Đề xuất, kiến nghị

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Y tế;
- Lưu: cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)